

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 355/2024/DS-PT

Ngày: 04/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/6, 28/6 và 04/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 253/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Thái Thị V, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Trúc T, sinh năm: 1982

Trần Văn E, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: anh Trần Văn E, là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Thái Thị V trình bày: Nguyên trước đây chị Nguyễn Trúc T lợi dụng sự quen biết với chị nên có hỏi mượn tiền của tôi với nhiều lần và tham gia chơi hụi như sau:

Lần 1: Ngày 10/05/2022 (âm lịch) mượn của chị số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) không có biên nhận với lý do mượn đỡ vài ngày sẽ trả lại.

Lần 2: Ngày 09/06/2022 (âm lịch) mượn của chị số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) có làm biên nhận.

Lần 3: Ngày 10/08/2022 (âm lịch) mượn của chị số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) có làm biên nhận.

Lần 4: Ngày 19/11/2022 (âm lịch) mượn của chị số tiền là 80.000.000đ (T1 mười triệu đồng) có làm biên nhận.

Lần 5: Ngày 09/12/2022 (âm lịch) mượn của chị số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) có làm biên nhận.

Tổng số tiền chị T mượn của chị là: 495.000.000đ (Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng). Chị T hứa với chị khi nào chị cần thì cho biết trước 01 tháng chị T sẽ hoàn trả lại cho chị.

Ngoài ra, chị T tham gia chơi hội do tôi làm đầu thảo với các dây hội cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hội khui ngày 26/01/2022 AL, hội tháng (mỗi tháng mở khui 01 lần), hội 10.000.000 đồng, có 18 hội viên, chị T tham gia 01 phần, bà T đã hốt hội vào ngày 26/12/2022 đăng hội chết đến ngày 26/03/2023 đến nay (09 tháng) thì chị T không đăng tiếp. Như vậy, dây hội này chị T không đóng cho chị là: $09 \times 10.000.000$ đồng = 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

- Dây thứ hai: Hội khui ngày 15/12/2022 AL, hội tháng (mỗi tháng mở khui 01 lần), hội 10.000.000 đồng, có 23 hội viên, chị T tham gia 02 phần, chị T đã hốt hội vào ngày 15/12/2022 đăng hội chết đến ngày 15/02/2023 đến nay (10 tháng) thì chị T không đăng tiếp. Như vậy, dây hội này chị T không đóng cho tôi là: $10 \times 02 \times 10.000.000$ đồng = 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Tổng cộng số tiền hai dây hội chị T và anh Em không đóng cho chị đến nay là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

Như vậy, tổng cộng số tiền mượn và tiền hội chị T và anh Em còn thiếu chị là 785.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Đến tháng 03 năm 2023 chị cần tiền nên có cho chị T biết trước 01 tháng để lấy tiền lại, nhưng khi đến hạn thì chị T không chịu trả tiền cho chị và kêu chị đợi khi nào bán đất được sẽ trả tiền cho chị. Đến nay, thì chị T vẫn không chịu trả tiền cho chị.

Nay chị làm đơn này kính đến Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xem xét giải quyết buộc chị Nguyễn Trúc T và anh Trần Văn E phải liên đới trả cho chị số tiền là 785.000.000 đồng và chị yêu cầu tính lãi từ tháng 03/2023 đến tháng 12/2023 (09 tháng) theo mức lãi suất 0,83%; cụ thể như sau: $785.000.000$ đồng \times 09 tháng \times 0,83% = 58.639.500 đồng. Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi chị Nguyễn Trúc T và anh Trần Văn E phải liên đới trả cho chị là 843.639.500 đồng và chị yêu cầu tiếp tục tính

lãi cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Nay chị bổ sung phần hụi khai ngày 26/01/2022 âm lịch, còn 5 phần mới mượn hụi là 50.000.000 đồng và phần hụi khai ngày 15/12/2022 âm lịch, còn 12 phần nữa mới mượn hụi là 240.000.000 đồng; tổng cộng yêu cầu chị T trả 290.000.000 đồng tiền nợ hụi.

- Theo biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là chị Nguyễn Trúc T trình bày: Chị Thái Thị V yêu cầu chị trả số tiền 785.000.000 đồng và lãi suất 58.639.500 đồng, chị Nguyễn Trúc T trình bày như sau:

Lần thứ nhất của biên nhận ngày 09/6/2022 (âm lịch) với số tiền 200 triệu đồng, trong biên nhận ghi lãi 3%, nhưng lãi suất là 12%, chị đã trả 192.000.000 đồng tiền lãi, nhưng chị không có gì chứng minh; chị đồng ý trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng cho chị V.

Lần thứ hai: Ngày 10/8/2022 (âm lịch) với với tiền 50.000.000 đồng, ghi lãi suất là 3%/ tháng nhưng thực tế lãi suất là 12%/tháng, chị đã đóng lãi được 06 tháng với số tiền là 36.000.000 đồng, nhưng chị không có chứng cứ chứng minh; nay chị đồng ý trả cho chị V số tiền 50.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 19/11/2022 (âm lịch) với số tiền vay là 80.000.000 đồng, lãi suất trong biên nhận ghi 3%/tháng; nhưng thực tế đóng lãi suất 12%/tháng, chị đóng lãi được 3 tháng với số tiền 28.800.000 đồng; nhưng chị không có chứng cứ để chứng minh; nay chị đồng ý trả số tiền 80.000.000 đồng cho chị V.

Lần thứ tư: Ngày 09/12/2022 (âm lịch) với số tiền là 120.000.000 đồng, trong biên nhận ghi 3%/tháng, nhưng thực tế lãi là 12%/tháng, chị đã đóng lãi được 2 tháng với số tiền là 28.400.000 đồng, nhưng chị không có chứng cứ để chứng minh; chị đồng ý trả số tiền 120.000.000 đồng cho chị V.

Ngoài ra, chị có 2 dây hụi chết với tổng số tiền chưa đóng cho chị V là 290.000.000 đồng, chị đồng ý trả số tiền 290.000.000 đồng cho chị V.

Nay, theo yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị V, chị đồng ý trả cho chị V 785.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng) và lãi suất là 58.639.500 đồng; tổng cộng vốn gốc và lãi 843.639.500 đồng; nhưng xin trả dần và chị chỉ đồng ý trả một mình chị, chồng chị là anh Trần Văn E hoàn toàn không biết. Nay chị V bổ sung phần hụi khai ngày 26/01/2022 âm lịch, còn 5 phần mới mượn hụi là 50.000.000 đồng và phần hụi khai ngày 15/12/2022 âm lịch còn 12 phần nữa mới mượn hụi là 240.000.000 đồng; tổng cộng chị V yêu cầu chị trả 290.000.000 đồng, chị đồng ý trả cho chị V số tiền trên, mặc dù phần tiền này chưa mượn hụi.

-Theo tờ tự khai, bị đơn là anh Trần Văn E trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị V, buộc anh liên đới cùng chị Nguyễn Trúc T trả số tiền gốc

785.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng) và lãi suất là 58.639.500 đồng, anh không đồng ý vì số tiền này anh hoàn toàn không biết.

- *Những vấn đề các đương sự thống nhất tại phiên Tòa:*

+ Chị Thái Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Trúc T và anh Trần Văn E phải liên đới trả cho chị số tiền gốc và lãi là 843.639.500 đồng (T1 trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng). Chị Thái Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Trúc T phải trả cho chị số tiền phần hụi khai ngày 26/01/2022 âm lịch, còn 5 phần mới mãn hụi là 50.000.000 đồng và phần hụi khai ngày 15/12/2022 âm lịch còn 12 phần nữa mới mãn hụi là 240.000.000 đồng; tổng cộng yêu cầu chị T trả 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

+ Chị Nguyễn Trúc T trình bày: Chị Nguyễn Trúc T thừa nhận có nợ của chị Thái Thị V vốn gốc và lãi 843.639.500 đồng; chị Nguyễn Trúc T thừa nhận còn nợ chị Thái Thị V phần hụi khai ngày 26/01/2022 âm lịch, còn 5 phần mới mãn hụi là 50.000.000 đồng và nợ phần hụi khai ngày 15/12/2022 âm lịch còn 12 phần nữa mới mãn hụi là 240.000.000 đồng; tổng cộng chị Nguyễn Trúc T đồng ý trả cho chị Thái Thị V số tiền 290.000.000 đồng, dù phần này chưa mãn hụi.

- *Những vấn đề các đương sự thống nhất tại phiên Tòa và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án:* Chị Thái Thị V, yêu cầu chị Nguyễn Trúc T và anh Trần Văn E phải liên đới trả cho chị V số tiền gốc và lãi là 843.639.500 đồng (T1 trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng) chị T đồng ý trả cho chị V 785.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng) và lãi suất là 58.639.500 đồng; tổng cộng vốn gốc và lãi 843.639.500 đồng; nhưng chị T xin trả dần và chị chỉ đồng ý trả một mình chị, chồng chị là anh Trần Văn E hoàn toàn không biết.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị V.

2. Buộc chị Nguyễn Trúc T và anh Trần Văn E có trách nhiệm liên đới trả cho chị Thái Thị V, tổng cộng số tiền 843.639.500 đồng (trong đó nợ gốc, hụi là 785.000.000 đồng và tiền lãi 58.639.500 đồng).

3. Buộc chị Nguyễn Trúc T có nghĩa vụ trả cho chị Thái Thị V tiền hụi với số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng)

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Chị Nguyễn Trúc T và anh Trần Văn E phải chịu 37.309.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Chị Nguyễn Trúc T phải chịu 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Chị Thái Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.655.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005282 ngày 28/12/2023; được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002921 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 27/02/2024, anh Trần Văn E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, không đồng ý liên đới cùng chị T trả số tiền cho chị V, lý do việc vay nợ và chơi hụi của chị T thì anh không hề hay biết gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Anh Trần Văn E vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của anh Trần Văn E là có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn E.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Trần Văn E, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị V và chị T đã thống nhất được với nhau về số tiền vay gốc tổng cộng là 495.000.000 đồng, ngoài ra, chị V và chị T thống nhất không tính lãi suất đối với số tiền vốn vay này và chị T đồng ý trả cho chị V số tiền 495.000.000 đồng; đối với số tiền nợ hụi thì chị V và chị T thống nhất xác định chị T còn nợ chị V tổng cộng 580.000.000 đồng, bao gồm 90.000.000 đồng của dây hụi 10.000.000 đồng khai ngày 26/01/2022 âm lịch đã mãn, 200.000.000 đồng của dây hụi 10.000.000 đồng ngày 15/12/2022 âm lịch đã mãn, 50.000.000 đồng của dây hụi 10.000.000 đồng khai ngày 26/01/2022 âm lịch chưa mãn (tính tại thời điểm xét xử sơ thẩm) và 240.000.000 đồng của dây hụi khai ngày 15/12/2022 âm lịch chưa mãn,

đồng thời thống nhất chỉ chị T có nghĩa vụ trả cho chị V, còn anh Em thì không phải liên đới nghĩa vụ.

Hội đồng xét xử xét thấy việc xác định số tiền nợ vay, nợ hui và nghĩa vụ trả nợ đối với số nợ hui như trên giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và là quyền định đoạt của các đương sự và không trái pháp luật, đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xác định số tiền nợ mà phía chị T phải trả cho chị V gồm 495.000.000 đồng tiền vay và 580.000.000 đồng nợ hui.

Về nghĩa vụ liên đới, anh Em cho rằng việc chị T vay tiền và chơi hui với chị V thì anh không hề hay biết và anh cũng không có ký biên nhận vay tiền, nên nay anh không đồng ý có nghĩa vụ liên đới với chị T trả nợ cho chị V, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của anh Em là không có cơ sở, bởi vì: anh Em và chị T là vợ chồng hợp pháp; tại thời điểm vay tiền của chị V thì hôn nhân giữa anh Em và chị T vẫn đang tồn tại và vợ chồng đang sống chung bình thường; tại phiên tòa phúc thẩm, anh Em cũng thừa nhận trước đây anh có đưa cho chị T số tiền 300.000.000 đồng để cho vay lấy lãi tạo thu nhập cho gia đình; chị T cũng trình bày thống nhất nội dung trên và cho rằng do cần thêm nguồn tiền vốn để cho vay thêm nên đã vay số tiền trên của chị V, cũng như tham gia chơi các dây hui như trên, nhưng sau khi cho vay thì người vay đã vi phạm thời hạn trả nợ đối với chị, nên đến nay phía chị T chưa có tiền trả lại cho chị V đúng hạn.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định việc chị T vay số tiền 495.000.000 đồng của chị V là nhằm mục đích kinh tế gia đình và đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; mặt khác, việc vay tiền là giao dịch dân sự thông thường thì anh Em (là chồng) vẫn phải có nghĩa vụ chung trong trường hợp chỉ có chị T (là vợ) thực hiện giao dịch theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên trong trường hợp này thì anh Em phải có nghĩa vụ liên đới với chị T đối với số tiền vay của chị V như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ.

Còn đối với số tiền nợ hui tổng cộng 580.000.000 đồng thì giữa chị V và chị T thống nhất việc chỉ chị T có nghĩa vụ trả cho chị V, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ liên đới của anh Em đối với số tiền này.

Tại phiên tòa, anh Em cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Em.

[2] Do Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị V về số tiền vay và tiền hui, do vậy Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm là theo sự tự nguyện của các đương sự.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn E, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo hướng không buộc anh Em có nghĩa vụ liên đới. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chưa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên không chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên anh Trần Văn E phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn E.
- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.
- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Toà án nhân dân huyện Tháp Mười.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị V.

2. Buộc chị Nguyễn Trúc T và anh Trần Văn E có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Thái Thị V số tiền vay tổng cộng là 495.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng).

3. Buộc chị Nguyễn Trúc T có nghĩa vụ trả cho chị Thái Thị V số tiền hụi tổng cộng là 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi

hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Chị Nguyễn Trúc T và anh Trần Văn E phải chịu 23.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Chị Nguyễn Trúc T phải chịu 27.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Chị Thái Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.655.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005282 ngày 28/12/2023 và 6.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002921 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

4. Về án phí phúc thẩm: Anh Trần Văn E phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005360 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. (đã nộp xong)

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSV, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy